

DANH SÁCH

Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
A. Hộ gia đình, cá nhân									
I. Thành Phố Bạc Liêu									
1	29/6/2023	Huỳnh Quốc Cường	CS 037655	397	10	84	ODT	phường 7	
						87,5	CLN		
2		Huỳnh Văn Lâm Huỳnh Mỹ Hoa	CL 785105	191	2	158,5	ODT	phường 3	
3		Trần Tuấn Khanh Nguyễn Thị Thu Trang	DH 609687	218	2	759,3	LUK	phường 5	
			DK 910590	151	19	231,7	ODT		
			DH 870658	221	2	2637,4	LUK		
			DH 870660	220		1322,6			
			DH 870659	219		1305,6			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
4	29/06/2023	Nguyễn Ánh Tuyết	DL 005439	52	31	100	ODT	phường 1	
5		Triệu Thị Ngọc Anh	BP 930040	86	23	300	ODT	phường 3	
						48	CLN		
6	29/06/2023	Nguyễn Ngọc Nhân	BI 264922	746	7-5	80	ODT	phường 7	
7		Huỳnh Hồng Hà	CD 644639	204	26	100	ODT		
8		Trần Ngọc Nhiên	CC 384761	122	45	72,5	ODT		
			ĐĐ 015147	118		72, 5			
9		Lê Văn Hiếu	DH 870694	343	23	100	ODT		
10	29/06/2023	Vũ Văn Phong	CQ 860582	147	13-3	102,5	ODT	phường 1	
11		Tăng Thị Thảo Nguyễn Văn Thanh	CN 491511	79	9	300	ODT	phường 3	
						0,6	CLN		
			CV 445108	2	8	234, 1	ODT		
						202,3	CLN		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
II. Huyện Vĩnh Lợi									
1	29/06/2023	Nguyễn Thanh Nhân	CY 348095	103	109	300	ONT	thị trấn Châu Hưng	
						25,5	CLN		
2		Nguyễn Trí Vinh	DL 186421	143	2	532,5	CLN		
			CY 435147	1113	7	300	ONT	xã Châu Hưng A	
3		Nguyễn Hoàng Thuận	CX 211088	33	71	100	ONT	xã Long Thạnh	
						109,9	LUC		
			DL 194297	76	71	78,7	CLN		
4		Nguyễn Thanh Tín	CX 136458	814	6	2746	LUC	xã Hưng Hội	
			CX 136459	782	6	7370,3			
5		29/06/2023	Lê Văn Hường	CP 647069	510	7	517,5	LUC	xã Long Thạnh
6	Lê Văn Nhọn		CL 864152	773	3	3403,7	LUC	xã Châu Thới	
			CL 864148	818	3	2828,9			
			CL 864149	836	3	5008			
			CL 864150	843	3	3012,3			
			CL 864151	844	3	2071,4			

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
7	29/06/2023	Trần Đình Trình Đậu Thị Hoài Thu	CT 162815	1872	16	60	ONT	thị trấn Châu Hưng	

III. Huyện Hồng Dân

1	29/6/2023	Lê Văn Đăng	CX5473315	905	6	3868,1	LUC	xã Ninh Quới A	
			DĐ254155	865	6	6317,9	LUC		
			DK820029	2175	6	452,1	CLN		
			CX547344	876	6	1331,7	LUC		
			CX547343	854	6	5602,9	LUC		
			CX547316	864	6	10413,7	LUC		
			DB666530	812	6	8702,2	LUC		
			CX547314	871	6	4856,6	LUC		
			CX547342	853	6	3751,2	LUC		
2	29/6/2023	Quách Văn Nhở	DH651368	98	23	300	ONT	xã Ninh Thạnh Lợi A	
						3537,4	CLN		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
2	29/06/2023	Quách Văn Nhó	DH651366	92	23	413,3	CLN	xã Ninh Thạnh Lợi A	
			DH651365	732	5	1028,3	LUK-NTS		
			DH651364	731	5	26412,5	LUK-NTS		
3	29/6/2023	Nguyễn Văn Mẫn	DL172472	317	3	7807,6	LUK-NTS	xã Vĩnh Lộc	

IV. Huyện Đông Hải

1	28/06/2023	Nguyễn Hải Âu	BQ 048968	94	13	30000	NTS	xã Long Điền Đông
2		Nguyễn Kim Liên	U 755202	128	13	8500	LUA	
3	28/06/2023	Nguyễn Thị Mận	AG 074088	408	7	1811.3	NTS	xã Long Điền Đông
			AG 074087	389		11585.8		
			AG 074086	435		6535.7		
4		Lâm Hoàng Vũ	DL 166672	1400	8	8788.9	NTS	
							ONT	
				DL 166671	242	38	2609.7	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
5	29/09/2023	Lý Văn Lâu	DL 166613	404	10	20369.1	NTS	xã An Phúc	
			DL 166612	1242		2211	CLN		
6		Trương Hồng Giang	CN 491254	521	5	10585,4	NTS	xã Long Điền Đông	
7		Nguyễn Quang Phú	DB 627957	252	47	4191,8	ODT	thị trấn Gành hào	
	NTS								
8	29/06/2023	Nguyễn Văn Hưng Nguyễn Thị Trang	AG 265666	506	7	4783,8	NTS	xã An Trạch A	
9		Trần Chí Linh	DL 186864	195	32	9098,9	ONT 300	xã Điền Hải	
							NTS		
		DL 186865	824	6	14950	NTS			

V. Thị xã Giá Rai

1	26/06/2023	Lê Thị Mỹ Em	CV 752637	312	5	585,6	CLN	phường Hộ Phòng	
2	27/06/2023	Huỳnh Văn Mạnh	DL 194973	547	6	17781,2	NTS	xã Phong Thanh Tây	
3		Trương Văn Chung	ĐĐ 580694	205	1	31782,8	NTS	xã Phong Tân	

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDĐ, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
4	27/06/2023	Nguyễn Hữu Thuận	CY 304622	101	34	10335,2	NTS	phường Hộ Phòng	
5	28/06/2023	Quách Cẩm Huệ	CV 526010	217	26	296,4	CLN	xã Tân Phong	
			CV 526011	31	26	660,4	LUC		
6		Nguyễn Quốc Trung	ĐĐ 246069	101	32	300	ONT	xã Phong Thạnh A	
						71,8	NTS		

VI. Huyện Hoà Bình

1		Nguyễn Chí Dũng	M 593978	166	10	1704	CLN	xã Vĩnh Mỹ B	
			AB 936193	169		14622	LUC		
2		Lâm Hoàng Vũ	AD 738538	37	10-1	10000,5	NTS	xã Vĩnh Thịnh	
			AD 738515	47		10040,8			
			AD 738522	39		10021,3			
			AD 738531	40		15007,2			
3	29/06/2023	Nguyễn Thị Phương	CM 506560	1525	8	60	ONT	xã Vĩnh Bình	
						79,8	CLN		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m ²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú
				Số thửa	Tờ bản đồ				
4		Mã Cẩm Xuyên	CD 961117	21	42	150	ONT	thị trấn Hoà Bình	
						19,6	CLN		
			CD 961116	12		4079,5			
5		Lê Ngọc Dũng	AO 437379	62	19	219	ONT	xã Vĩnh Mỹ B	
6		Phạm Văn Viện	CU 125755	866	12	150	ONT	xã Vĩnh Hậu A	
						785	NTS		

VII. Huyện Phước Long

1	28/06/2023	Lê Hải Yến	CT 297473	309	40	123,6	ONT	xã Phước Long	
							CLN		
2	28/06/2023	Bùi Chí Nguyễn	AO 108033	908	2	1472,4	LUC	xã Hưng Phú	
			AO 108034	919	2	7586,0	LUC		
			AO 108035	18	18	1377,9	CLN		
			AO 108037	122	18	299,5	ONT		
3		Quách Quốc Hưng	CB 756884	137	20	2070,9	LUC		
			CD 891063	159	20	360,1	LUC		
			DL 005186	293	20	1786,3	CLN		

STT	Thời điểm đăng ký	Tên của người đăng ký biện pháp bảo đảm	Số GCN QSDD, QSH tài sản	Số thửa, tờ bản đồ		Diện tích đất, tài sản gắn liền với đất (m²)	Loại đất, tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thửa đất, tài sản gắn liền với đất	Ghi chú	
				Số thửa	Tờ bản đồ					
3		Quách Quốc Hưng	DL 005185	133	20	300,0	ONT	xã Hưng Phú		
			CD 891062	171	20	2256,3	LUC			
4		Lê Thanh Hận	DL 186729	69	64	715,7	ONT	thị trấn Phước Long		
							CLN			
5		Hồ Châu Em	BR 741635	150	99	54,4	ONT			
			CS 041186	53	101	1500,1	CLN			
			BR 741634	149	99	54,7	ODT			
6		29/06/2023	Đặng Văn Chí Hải	DL 1863094	19	7	14657,8	NTS	xã Phước Long	

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG



Nguyễn Thị Thùy Dung

Nơi nhận:

- Trung tâm CNTTNTMT(Đăng công thông tin điện tử) ;
- Lưu: TTLT(Dung).

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đạo